



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07982/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2224
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 09/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 09/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT1	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	57	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	14.700	-
3	CO ₂	CEC.QTMT.KT-06	%	5,67	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	400
5	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	47,88	800
6	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	144,20	680
7	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	27	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT1: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi biomass (nguồn số 17).

Tọa độ: X= 1197894,722, Y= 591385,905

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07984/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2269
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 15/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 15/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT2	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	1.020	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	25	160

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT2:** Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6020# - DN 180 (nguồn số 07) .

Tọa độ: X= 1197744,140, Y= 591453,023

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=1:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07539/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2250
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 12/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT3	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	1.080	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	26	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT3: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6110# - DN 180 (nguồn số 06).

Tọa độ: X= 1197746,575, Y= 591453,563

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07540/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2250
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 12/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT4	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2,520	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	20	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT4: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6050# - DN 280 (nguồn số 05).

Tọa độ: X= 1197756,536, Y= 591455,832

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ -TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07541/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2250
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 12/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT5	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	10.140	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	28	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT5: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6070# - DN 450 (nguồn số 04).

Tọa độ: X= 1197762,069, Y= 591456,692

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
- Lần ban hành: 03 Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07542/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2250
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 12/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT6	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	11.400	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	23	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT6: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6010# - DN 560 (nguồn số 03).

Tọa độ: X= 1197763,176, Y= 591457,017

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07985/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2269
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 15/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 15/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT7	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	20.340	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	22	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT7: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6030# - DN 800 (nguồn số 02).

Tọa độ: X= 1197766,056, Y= 591458,321

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT; 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07986/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2269
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 15/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 15/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT8	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	13.920	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	26	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT8: Ống thoát khí thải từ hệ thống xử lý bụi số 6040# - DN 650 (nguồn số 01).

Tọa độ: X= 1197769,155, Y= 591459,187

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN


Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07983/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2224
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 09/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 09/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT9	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2.940	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	18	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT9: Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 2 (nguồn số 09).

Tọa độ: X= 1197776,424, Y= 591608,212

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
 3. "-": Không quy định
 4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
- Lần ban hành: 03 Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07534/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2229
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT11	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2.640	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	21	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT11: Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 3 (nguồn số 10).

Tọa độ: X= 1197781,344, Y= 591587,312

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07535/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2229
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT12	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3.480	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	25	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT12: Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 4 (nguồn số 11).

Tọa độ: X= 1197782,768, Y= 591582,169

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07536/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2229
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT13	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m^3/h	9.900	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm^3	18	160

- Vị trí lấy mẫu:

- **KT13:** Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 5 (nguồn số 12).

Tọa độ: X= 1197789,432, Y= 591552,079

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- **Cột B, Kp=0,8 và Kv=1:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07537/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2229
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT14	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	6.960	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	20	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT14: Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 6 (nguồn số 13).

Tọa độ: X= 1197790,973, Y= 591549,123

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 - Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
 - "-": Không quy định
 - KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
- Lần ban hành: 03 Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07538/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2229
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 10/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 10/09/2025 - 16/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT15	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	8.820	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	19	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT15: Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 7 (nguồn số 14).

Tọa độ: X= 1197866,375, Y= 591616,056

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Thảo

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
- Lần ban hành: 03 Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07987/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2269
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 15/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 15/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT
				KT16	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	14.040	-
2	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	23	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT16: Ống thoát khí thải từ thùng lọc bụi số 8 (nguồn số 15).

Tọa độ: X= 1197869,214, Y= 591602,926

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07969/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT18	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	140	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	3.180	-
3	CO ₂	CEC.QTMT.KT-06	%	2,13	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	2,62	400
5	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	194,94	800
6	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	272,79	680
7	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	23	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT18: Ống khói máy phát điện 1000 kVA.

Tọa độ: X= 1197806, Y= 0591409

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07970/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT19	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	221	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	1.740	-
3	CO ₂	CEC.QTMT.KT-06	%	2,21	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	5,24	400
5	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	207,48	800
6	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	284,63	680
7	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	20	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT19: Ống khói máy phát điện 560 KVA.

Tọa độ: X= 1197827, Y= 0591407

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07971/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT20	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	117	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	840	-
3	CO ₂	CEC.QTMT.KT-06	%	1,98	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	5,24	400
5	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	212,04	800
6	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	301,36	680
7	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	20	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT20: Ống khói máy phát điện 500 kVA.

Tọa độ: X= 1197823, Y= 0591406

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07972/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT21	Cột B, Kp=0,8 và Kv=1
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	135	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	1.920	-
3	CO ₂	CEC.QTMT.KT-06	%	2,25	-
4	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	5,24	400
5	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	364,80	800
6	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	320,54	680
7	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	21	160

- Vị trí lấy mẫu:

- KT21: Ống khói máy phát điện 530 kVA.

Tọa độ: X= 1197818, Y= 0591411

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=1: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07966/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KT22	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	57,8	70 ⁽¹⁾
2	CO ₂ ^(b)	CEC.KLV.HT.10	mg/m ³	952	-
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	74	350
4	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm ³	6.355	30.000
5	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	65	200
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	85	300

- Vị trí lấy mẫu:

- KT22: Hệ thống xử lý mùi Tholander.

Tọa độ: X= 1197759, Y= 0591388

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

- ^(b): Chỉ tiêu thông tư 10/2021/BTNMT và Quy chuẩn Việt Nam không quy định. Chỉ tiêu thực hiện theo yêu cầu của khách hàng, không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07973/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	4,5	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	228	100
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	481	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	982	150
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	17,4	10
6	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	37	40
7	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	4,5	6
8	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	9,3	-
9	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	1,2x10 ³	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT01: Nước thải đầu vào Trạm xử lý nước thải.

Tọa độ: X= 1197828, Y= 591386

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07974/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH MTV THUỐC LÁ SÀI GÒN
Địa chỉ : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa điểm quan trắc : Lô C45/I-C50/I, C58/I-C63/I và C65/I-C70/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh
Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh
Mã đơn hàng : 25.2240
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 11/09/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/09/2025 - 19/09/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT02	Cột B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	5,5 ÷ 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	21	100
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	35	50
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	57	150
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	1,36	10
6	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	9	40
7	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,53	6
8	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	2,2	-
9	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	630	5.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT02: Nước thải đầu ra Trạm xử lý nước thải.

Tọa độ: X= 1197880, Y= 591399

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 09 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025